

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỬ NHÂN LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

*(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNCT ngày tháng năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ)*

Tên chương trình : **Logistics và quản lý chuỗi cung ứng**
Trình độ đào tạo : **Đại học hệ chính quy**
Ngành đào tạo : **Logistics và quản lý chuỗi cung ứng**
Mã số : **7510605**
Loại hình đào tạo : **Chính quy**

1. Mô tả chương trình đào tạo

1.1 Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng đào tạo Cử nhân Logistics và quản lý chuỗi cung ứng có đủ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc hiệu quả ở các lĩnh vực liên quan đến Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (Tiếng Việt)	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
Tên chương trình (Tiếng Anh)	Logistics and supply chain management
Mã ngành đào tạo	7510605
Trường cấp bằng	Trường Đại học Nam Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Cử nhân Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	135
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thang điểm đánh giá	4
Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ số học phần và số lượng tín chỉ của chương trình đào tạo; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5.0 trở lên; - Đạt chuẩn đầu ra về trình độ tiếng anh và tin học theo quy định chung của Nhà trường; - Đạt chuẩn đầu ra Kỹ năng mềm, Kỹ năng nghề

	nghiệp; - Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và hoàn thành các học phần điều kiện.
Vị trí việc làm	- Nhân viên lập kế hoạch, tổ chức và điều phối hoạt động logistics và chuỗi cung ứng trong các nhà máy sản xuất; - Nhân viên quản lý và điều hành các hệ thống kho vận, vật tư, giao nhận; - Nhân viên làm tại các sở, phòng ban, doanh nghiệp, tổ chức có liên quan đến Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
Học tập nâng cao trình độ	Có thể tiếp tục học thạc sĩ trong và ngoài nước.
Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo bậc đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng Trường ĐH Cần Thơ, Trường ĐH Quốc Tế - ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, Trường ĐH Mở TP. Hồ Chí Minh, Trường ĐH Giao Thông Vận Tải TP. Hồ Chí Minh.
Thời gian cập nhật	2025

1.3. Mục tiêu đào tạo

1.3.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cử nhân có đầy đủ sức khỏe, kiến thức vững chắc, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu xã hội và nhu cầu của người học, phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- Có phẩm chất đạo đức, khả năng tự học, tự nghiên cứu nhằm đạt được các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm.
- Đào tạo nhân lực đủ năng lực theo hướng ứng dụng làm việc tại các cơ quan, nhà máy, công ty liên quan đến lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

1.3.2. Mục tiêu cụ thể

M1 Hình thành được các ý tưởng chuyên môn trong Logistics và quản lý chuỗi cung ứng và phát triển được năng lực quản lý, điều hành công việc ở quy mô cá nhân và tập thể nhằm tổ chức và thực hiện được các tác nghiệp chuyên môn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, từ đó phát triển được năng lực sáng tạo trong công việc

M2 Đáp ứng được các yêu cầu về kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm, anh văn và tin học từ xã hội, môi trường làm việc và nghiên cứu.

M3 Hình thành được phẩm chất chính trị, tuân thủ luật pháp; năng lực tự học, tự nghiên cứu ở lĩnh vực chuyên môn, từ đó phát triển được các năng lực tương ứng ở cả đời sống và hướng dẫn được những người xung quanh, từ đó thay đổi, cải thiện đời sống xã hội.

1.4 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1.4.1 Về kiến thức

- Kiến thức chung

PO1 Trình bày được các nguyên lý cơ bản về chính trị, quốc phòng, pháp luật và khoa học để làm cơ sở tu dưỡng đạo đức và ý thức bảo vệ tổ quốc.

- **Kiến thức chuyên môn**

PO2 Phân tích và mô hình hóa để giải quyết được các vấn đề thuộc chuyên ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

PO3 Vận dụng được các công cụ, phần mềm sử dụng trong quản lý, điều hành, thiết kế, nhằm tối ưu hoá chuyển đổi số hệ thống logistics và chuỗi cung ứng.

1. Về kỹ năng

- **Kỹ năng chuyên môn:**

PO4 Kiểm tra được thực nghiệm nhằm rút ra kết luận và đề xuất giải pháp quản lý hiệu quả hệ thống logistics và chuỗi cung ứng.

PO5 Điều hành được hệ thống logistics và chuỗi cung ứng một cách tối ưu.

- **Kỹ năng mềm:**

PO6 Thực hiện được việc thuyết trình, báo cáo, thảo luận, lắng nghe và làm chủ tình huống bằng cách sử dụng tiếng anh/tiếng việt và tin học ứng dụng, từ đó đạt hiệu quả cao trong công việc và giao tiếp.

PO7 Trình bày được các vấn đề nhằm chia sẻ giải pháp và phổ biến kiến thức đến các bên liên quan.

2. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PO8 Hình thành được ý thức trách nhiệm công dân, phẩm chất chính trị, yêu nước và yêu nghề.

PO9 Chia sẻ kiến thức, năng lực đến xã hội, từ đó thể hiện được tinh thần cầu tiến và học tập suốt đời.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 135 tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), được phân bổ như sau:

KHỐI KIẾN THỨC	Kiến thức bắt buộc	Kiến thức tự chọn	Tổng
Kiến thức giáo dục đại cương	41	2	43
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	76	16	92
- Kiến thức cơ sở ngành	24	4	28
- Kiến thức chuyên ngành	48	6	54
- Thực tập tốt nghiệp	4		4
- Khóa luận tốt nghiệp/Các môn thay thế		6	6
Tổng khối lượng	117	18	135

4. Đối tượng tuyển sinh:

- Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia hoặc xét điểm học bạ quá trình học tập ở bậc THPT theo tổ hợp các môn học theo ngành và xét tuyển trong cả nước.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

- Thực hiện quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Nam Cần Thơ.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp:

- Sinh viên hoàn tất chương trình đào tạo được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo điều 27 của quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

- Đạt trình độ tiếng Anh và Tin học theo quy định chung của Nhà trường (về Tin học đạt từ modul 01 đến 06 của chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT)

- Đạt chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh; Giáo dục thể chất; Kỹ năng mềm và Kỹ năng nghề nghiệp.

- Đánh giá điểm bộ phận và điểm học phần thực hiện theo điều 22 và điều 23 của quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

- Xếp hạng năm học, xếp hạng tốt nghiệp được thực hiện theo điều 14 và điều 28 của quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

6.1. Kiến thức giáo dục đại cương:

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	LT	T H	Th ể loại
A	Lý luận chính trị		11			
1	010100088 9	Triết học Mác - Lênin	3	3		BB

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	LT	T H	Th ể loại
2	010100064 1	Kinh tế chính trị	2	2		BB
3	010100089 0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		BB
4	010100090 0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		BB
5	010100086 9	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		BB
B	Khoa học xã hội và nhân văn		2+ 2			
6	010100089 1	Pháp luật đại cương	2	2		BB
7	010100088 1	Logic học đại cương	2	2		TC
8	010100089 4	Tâm lý học đại cương	2	2		TC
C	Ngoại ngữ		15			
9	010100086 1	Anh văn căn bản 1	3	3		BB
10	010100086 2	Anh văn căn bản 2	3	3		BB
11	010100086 3	Anh văn căn bản 3	3	3		BB
12	010100234 8	Anh văn căn bản 4	3	3		BB
13	010100236 3	Anh văn căn bản 5	3	3		BB
D	Toán, Tin học, Khoa học tự nhiên		13			
14	010100088 3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3		BB
15	010100089 8	Toán cao cấp	3	3		BB
16	010100089 6	Tin học đại cương	3	2	1	BB
17	010100089 7	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh - AI	2	1	1	BB
18	010100089 8	Chuyển đổi số	2	2		BB
E	Giáo dục thể chất		3			
19	010100087 2	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1	ĐK
20	010100087 3	Giáo dục thể chất 2 (*)	1		1	ĐK

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	LT	T H	Th ể loại
21	010100087 4	Giáo dục thể chất 3 (*)	1		1	ĐK
F	Giáo dục quốc phòng		8			
22	010100087 1	Giáo dục quốc phòng (*)	8			ĐK

(*) Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy

6.2. Khối lượng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	LT	T H	Th ể loại
Phần kiến thức cơ sở ngành			24+ 4			
1	0101000644	Kinh tế học	3	3		BB
2	0101002193	Nhập môn ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3	3		BB
3	0101000715	Marketing căn bản	3	3		BB
4	0101000735	Nguyên lý kế toán	3	3		BB
5	0101000780	Quản trị học	3	3		BB
6	0101001884	Hệ thống thông tin Logistics	3	3		BB
7	0101000692	Luật kinh tế	3	3		BB
8	0101000626	Kế toán quản trị	3	3		BB
9	0101000613	Hành vi tổ chức	2	2		TC
10	0101000611	Hành vi khách hàng	2	2		TC
11	0101000857	Văn hoá DN và đạo đức kinh doanh	2	2		TC
Phần kiến thức chuyên ngành			48+ 6			
12	0101001399	Quản trị Logistics	2	2		BB
13	0101002687	Quản trị Logistics – Thực tập	1		1	BB
14	0101001866	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3		BB
15	0101001892	Quản trị vận hành	3	3		BB
16	0101000774	Quản trị chất lượng	3	3		BB
17	0101000775	Quản trị chiến lược	3	3		BB
18	0101001893	Quản trị lưu trữ và hàng tồn kho	2	2		BB
19	0101002688	Quản trị lưu trữ và hàng tồn kho – Thực tập	1		1	BB
20	0101001894	Quản trị kênh phân phối	3	3		BB
21	0101001644	Vận tải và bảo hiểm ngoại thương	3	3		BB
22	0101002116	Tin học ứng dụng trong quản lý Logistics	3	2	1	BB
23	0101001896	Quản trị hoạt động thu mua toàn cầu	3	3		BB

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	LT	T H	Th ể loại
24	0101000756	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2		BB
25	0101000785	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	3		BB
26	0101001886	Anh văn chuyên ngành Logistics 1	3	3		BB
27	0101001889	Anh văn chuyên ngành Logistics 2	3	3		BB
28	0101000847	Ứng dụng thương mại điện tử	2	2		BB
29	0101000668	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2	2		BB
30	0101002117	Quản trị xuất nhập khẩu	3	3		BB
31	0101002194	Nghiệp vụ hải quan	3	3		TC
32	0101001625	Marketing quốc tế	3	3		TC
33	0101000792	Quản trị tài chính	3	3		TC
34	0101002118	Quản trị rủi ro trong kinh doanh	3	3		TC
35	0101002119	Quản lý dự án	3	3		TC
36	0101001642	Đầu tư quốc tế	3	3		TC
Thực tập tốt nghiệp			4			
37	0101001899	Thực tập tốt nghiệp (Logistics)	4		4	BB
Khóa luận tốt nghiệp/Các môn thay thế			6			
38	0101001900	Khóa luận tốt nghiệp (Logistics)	6		6	TC
39	0101001641	Nghiệp vụ ngoại thương	3	3		TC
40	0101000811	Thanh toán quốc tế	3	3		TC

7. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN)

Học kỳ 1

T T	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	T H	
1	Toán cao cấp	3	45	45		BB
2	Giáo dục thể chất 1	1	30		30	ĐK
3	Tin học đại cương	3	45	30	15	BB
4	Triết học Mác - Lênin	2	30	30		BB
5	Anh văn căn bản 1	3	45	45		BB
	Tổng số tín chỉ tích lũy	11				

Học kỳ 2

T T	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	T H	
1	Anh văn căn bản 2	3	45	45		BB
2	Giáo dục thể chất 2	1	30		30	ĐK
3	Kinh tế chính trị	2	30	30		BB
4	Kinh tế học	3	45	45		BB
5	Giáo dục quốc phòng	8	165	75	90	ĐK

Tổng số tín chỉ tích lũy	8				
---------------------------------	----------	--	--	--	--

Học kỳ 3

T T	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	T H	
1	Anh văn căn bản 3	3	45	45		BB
2	Giáo dục thể chất 3	1	30		30	ĐK
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30		BB
4	Nhập môn ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3	45	45		BB
5	Logic học đại cương	Chọn 1 học phần	2	30	30	TC
6	Tâm lý học đại cương		2	30	30	TC
Tổng số tín chỉ tích lũy		10				

Học kỳ 4

T T	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	T H	
1	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	45	45		BB
2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	30		BB
3	Anh văn căn bản 4	3	45	45		BB
4	Marketing căn bản	3	45	45		BB
Tổng số tín chỉ tích lũy		11				

Học kỳ 5

T T	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	T H	
1	Quản trị học	3	45	45		BB
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30		BB
3	Pháp luật đại cương	2	30	30		BB
4	Anh văn căn bản 5	3	45	45		BB
Tổng số tín chỉ tích lũy		10				

Học kỳ 6

T T	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	T H	
1	Anh văn chuyên ngành Logistics 1	3	45	45		BB
2	Nguyên lý kế toán	3	45	45		BB
3	Luật kinh tế	3	45	45		BB
4	Hành vi tổ chức	Chọn 1 học phần	2	30	30	TC
5	Hành vi khách hàng		2	30	30	TC

T T	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	T H	
6	Văn hoá DN và đạo đức KD	2	30	30		TC
	Tổng số tín chỉ tích lũy	11				

Học kỳ 7

T T	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	T H	
1	Hệ thống thông tin Logistics	3	45	45		BB
2	Kế toán quản trị	3	45	45		BB
3	Anh văn chuyên ngành Logistics 2	3	45	45		BB
4	Hành vi tổ chức	Chọn 1 học phần	2	30	30	TC
5	Hành vi khách hàng		2	30	30	TC
6	Văn hoá DN và đạo đức KD		2	30	30	TC
	Tổng số tín chỉ tích lũy		11			

Học kỳ 8

T T	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	T H	
1	Quản trị Logistics	2	30	30		BB
2	Quản trị Logistics – Thực tập	1	30		30	BB
3	Quản trị chuỗi cung ứng	3	30	30		BB
4	Tin học ứng dụng trong quản lý Logistics	3	60	30	30	BB
5	Quản trị rủi ro trong KD	Chọn 1 học phần	3	45	45	TC
6	Quản trị tài chính		3	45	45	TC
7	Quản lý dự án		3	45	45	TC
	Tổng số tín chỉ tích lũy		12			

Học kỳ 9

T T	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	T H	
1	Quản trị chất lượng	3	45	45		BB
2	Quản trị chiến lược	3	45	45		BB
3	Quản trị lưu trữ và hàng tồn kho	2	30	30		BB
4	Quản trị lưu trữ và hàng tồn kho – Thực tập	1	30		30	BB
5	Marketing quốc tế	Chọn 1 học phần	3	45	45	TC
6	Nghiệp vụ hải quan		3	45	45	TC
7	Đầu tư quốc tế		3	45	45	TC
	Tổng số tín chỉ tích lũy		12			

Học kỳ 10

T T	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	T H	
1	Quản trị vận hành	3	45	45		BB
2	Quản trị xuất nhập khẩu	3	45	45		BB
3	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2	30	30		BB
4	Ứng dụng thương mại điện tử	2	30	30		BB
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30		BB
	Tổng số tín chỉ tích lũy	12				

Học kỳ 11

T T	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	T H	
1	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	45	45		BB
2	Vận tải và bảo hiểm ngoại thương	3	45	45		BB
3	Quản trị kênh phân phối	3	45	45		BB
4	Quản trị hoạt động thu mua toàn cầu	3	45	45		BB
	Tổng số tín chỉ tích lũy	12				

Học kỳ 12

T T	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	T H	
1	Thực tập tốt nghiệp	4	120		12 0	BB
2	Nghiệp vụ ngoại thương	3	45	45		TC
3	Thanh toán quốc tế	3	45	45		TC
4	Khóa luận tốt nghiệp (Logistics và QLCCU)	6	90	90		TC
	Tổng số tín chỉ tích lũy	10				

(*) Nếu sinh viên không đủ điều kiện thực hiện khóa luận tốt nghiệp, sẽ học các học phần thay thế.

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1 Đối với Khoa và Bộ môn:

- Khoa quản lý chuyên môn chịu trách nhiệm rà soát, chủ trì biên soạn đề cương chi tiết các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành theo đúng khối lượng tín chỉ của chương trình này. Cung cấp danh mục giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo của tất cả các học phần cho Thư viện của Nhà trường và lưu tại Văn phòng khoa. Đầu mỗi học kỳ, phối hợp cùng các đơn vị thuộc Trường để triển khai kế hoạch đào tạo theo đúng tiến độ.

- Phân công giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên (cùng ngành hoặc chuyên ngành liên quan) giảng dạy các học phần lý thuyết, cung cấp đề cương chi tiết học phần cho giảng viên để đảm bảo được theo kế hoạch giảng dạy chung của Nhà trường.

- Đội ngũ cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

8.2 Đối với giảng viên:

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều học phần, cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện, đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ bài giảng, nguồn giáo trình, tài liệu học tập và cung cấp cho sinh viên để chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

- Quan tâm đến phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên trong suốt quá trình giảng dạy và hướng dẫn thực tập, thực hành.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các khối kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

8.3 Đối với sinh viên:

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ. Phải tự nghiên cứu bài học trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

- Chủ động, tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

- Thường xuyên tham gia các hoạt động đoàn thể, văn-thể-mỹ để rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hiểu biết về xã hội và con người.

8.4 Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và thực hành, thực tập:

- Hệ thống phòng học lý thuyết với trang thiết bị truyền thống, có trang bị thêm công cụ hỗ trợ giảng dạy (projector).

- Phòng thực hành máy tính được cài đặt các phần mềm phục vụ đào tạo tin học căn bản.

- Phòng thực hành máy tính được cài đặt các phần mềm phục vụ đào tạo tin học căn bản.

- Phòng thực hành các học phần cơ bản về vật lý, hóa đại cương, hóa hữu cơ, hóa phân tích với trang thiết bị phục vụ đào tạo trực quan.

- Phòng thực hành chuyên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng được trang bị các máy móc, thiết bị và dụng cụ phù hợp

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phòng Quản lý Đào tạo

Khoa KT-CN